

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 6 - 2020

V/v ly hôn giữa Anh Trần Công M  
và chị Long Thị Diệu Thi

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Bùi Thị Ngọc Bích

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trương Thị Dung, ông Nguyễn Trọng Tảo.

*- Thư ký phiên toà:* Ông Trần Mạnh Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2020/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST - HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Công M – Sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn Tân Tiến, xã Yên Lộc, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Long Thị Diệu T – Sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh N.

Hiện chuyển đến cư trú tại : Xóm P, xã P, huyện Q, tỉnh C.

Tại phiên tòa: Anh M, chị T xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2020, bản tự khai đề ngày 17/02/2020, bản tự khai bổ sung đề ngày 20/3/2020, nguyên đơn anh M trình bày:

Anh và Chị Long Thị Diệu T đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh N vào ngày 27/8/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng anh, chị

bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên khi về chung sống với nhau thường xuyên xảy ra bất hòa, va chạm. Giữa chị T và mẹ anh cũng có mâu thuẫn, hai mẹ con không thể hòa hợp được, anh và chị T cũng không dung hòa được mọi vấn đề các mối quan hệ trong gia đình nên cuộc sống vợ chồng vì thế ngày càng trở nên căng thẳng. Nay cả anh và chị T cùng xác định không còn tình cảm với nhau, không thể chung sống được cùng nhau nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Trần Long Nhật H, sinh ngày 26/01/2019. Anh M có nguyện vọng được nuôi con nhưng nếu chị T cũng có nguyện vọng nuôi con thì anh nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T không có gì liên quan, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho chị T. Căn cứ vào Bản tự khai bổ sung đề ngày 20/3/2020, Biên bản làm việc với chính quyền địa phương xã Y, huyện Y, tỉnh N ngày 23/3/2020, xác định được: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn - chị T không còn sinh sống và làm việc tại địa chỉ thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh N nữa (địa chỉ ban đầu anh M cung cấp khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án). Hiện nay, chị T đã chuyển về sinh sống và làm việc tại địa chỉ mới ở Xóm P, xã P, huyện Q, tỉnh C. Vì vậy, Tòa án đã ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ gửi đến Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh C; ngày 30/4/2020, Tòa án nhân dân huyện Ý Yên nhận được kết quả ủy thác. Cụ thể:

Theo Bản tự khai đề ngày 27/4/2020 nộp tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh C, bị đơn chị T trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn, chị T trình bày phù hợp với lời khai của anh M. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến ngày 25/4/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chủ yếu xuất phát từ việc chị không thể sống hòa hợp được với mẹ của anh M, khiến cho cuộc sống gia đình thiếu hạnh phúc, thiếu gắn bó, mâu thuẫn giữa chị và anh M vì việc này mà càng trở nên trầm trọng, khó có thể hàn gắn tình cảm, khó giải quyết mâu thuẫn. Nay anh M xin ly hôn chị cũng nhất trí.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Trần Long Nhật H, sinh ngày 26/01/2019 hiện đang ở với chị. Chị T đề nghị được nuôi con chung và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh M, chị T đề nghị không tiến hành hòa giải nên Toà án đã không tiến hành hòa giải và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: Anh M, chị T có đơn xin vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Anh M, chị T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung:

- Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Minh.

- Về con chung: Đề nghị áp dụng Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Trần Long Nhật H, sinh ngày 26/01/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Chấp nhận sự tự nguyện của anh M về việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung mức chi phí hợp lý là 1.000.000 đồng/ tháng.

- Các vấn đề khác có liên quan: Anh M, chị T không yêu cầu giải quyết.

- Anh M có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, Chị Long Thị Diệu T có nơi sinh sống và làm việc tại Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh N. Yêu cầu khởi kiện của anh M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên là phù hợp quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Hôn nhân giữa anh M, chị T được xác lập năm 2018, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Giữa chị T và mẹ của anh M cũng

xảy ra mâu thuẫn, anh M, chị T không biết cách dung hòa các mối quan hệ trong gia đình khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng trở nên mâu thuẫn trầm trọng và khó hàn gắn. Anh M xác định không còn tình cảm với chị T nên xin ly hôn, chị T cũng đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn của anh M, chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh M, xử cho anh M, chị T ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh M, chị T có 01 con chung là Trần Long Nhật H, sinh ngày 26/01/2019. Cháu H đang ở với mẹ, tuổi còn rất nhỏ, cần được sự chăm sóc của mẹ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu H là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; đồng thời cần chấp nhận sự tự nguyện của Minh về việc cấp dưỡng nuôi con chung với mức chi phí hợp lý để anh M cấp dưỡng nuôi Cháu H là 1.000.000 đồng/tháng.

[4]. Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: anh M, chị T không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh M phải chịu án phí theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa Anh Trần Công M và chị Long Thị Diệu T.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Long Nhật H, sinh ngày 26/01/2019 cho chị T nuôi dưỡng. Anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 07/2020 cho đến khi con chung trưởng thành và tự lập được.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Anh M, chị T không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí:

Án phí sơ thẩm ly hôn: Anh M phải nộp 300.000 đồng.

Án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh M phải nộp 300.000 đồng.

Đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001346, ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định anh M còn phải nộp 300.000 đồng.

Anh M, chị T được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã Y: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Ngọc Bích**